

Số (N^o): 10370/VAQ06-01/25-00

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG KIỂU LOẠI
DÙNG CHO XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY**
TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR MOTORCYCLES, MOPEDS
Cấp theo Thông tư số 55/2024/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số: 10412/25/BH Ngày: 18/08/2025
Pursuant to the Technical document N^o Date
Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: QCVN 14 : 2024/BGTVT
Standard, regulation applied
Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số: 990029/990064/06/25/01 Ngày: 23/06/2025
Pursuant to the results of C.O.P examination record N^o Date
Căn cứ vào báo cáo kết quả thử nghiệm số: 0527 /BCTN-TX/25 Ngày: 25/07/2025
Pursuant to the results of Testing report N^o Date:

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN
General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle Type): Xe gắn máy hai bánh điện

Nhãn hiệu (Trademark): SMB

Tên thương mại (Commercial Name): ---

Mã kiểu loại (Model Code): Y-GO

Mã số khung (Frame number code): RL9YPEKUM?1DT???

Khối lượng bản thân (Kerb mass): 80 kg

Phân bố khối lượng bản thân lên các trục (Distribution on axles): 39 / 41 kg

Số người cho phép chở không kể người lái: (Seating capacity excluding driver): 0 người

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép lớn nhất (Maximum authorized pay mass): --- kg

Khối lượng toàn bộ (Gross mass): 155 kg

Phân bố khối lượng toàn bộ lên các trục (Distributed on axles): 60 / 95 kg

Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao) (Overall dimensions: length x width x height): 1680 x 710 x 1055 mm

Chiều dài cơ sở (Wheel base): 1210 mm

Ký hiệu, loại động cơ điện (Engine model, Type): LD VLD48V500WC, Động cơ điện một chiều không chổi than

Công suất lớn nhất của động cơ điện (Max. electric motor rated power): 1.35 kW

Bộ điều khiển động cơ: LD ZWK4832-12SF6L-XYMY04

Loại ắc quy/số lượng/Điện áp-Dung lượng (Battery type/Voltage-capacity): Chì - a xít CHILWEE 12V21Ah / 4 / 12 (V)- 21 (Ah)

Số lượng; Cỡ lốp (Qty, tyre size): Trục 1 (Axle 1st): 1; 3.00-10 Trục 2 (Axle 2nd): 1; 3.00-10 Trục 3 (Axle 3rd): ---

Hệ thống phanh chính (Service braking system): Phanh đĩa/Tang trống

Hệ thống phanh đỗ xe (Parking braking system): ---

Kiểu loại xe này cho phép tự động hóa điều khiển (Allows automated driving): Không

Kiểu loại xe này sử dụng năng lượng sạch, năng lượng xanh, thân thiện môi trường (Clean, green energy vehicle): Có

Mức tiêu thụ năng lượng (Energy consumption):

Chu trình, phương pháp thử (Test cycle): Phần II - QCVN14:2024/BGTVT

Mức tiêu thụ điện năng (Electric energy consumption): 34.30 Wh/Km

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SMB

(Name and address of manufacturer) Số 3 đường Lý Thường Kiệt, khu 6, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SMB

(Name and address of assembly plant) Số 3 đường Lý Thường Kiệt, khu 6, Phường Vũ Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Kiểu loại xe nói trên đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (The product is in compliance with) QCVN 14 : 2024/BGTVT.

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến hết ngày (This certificate is valid until): 24/09/2028

Hà Nội, ngày 24 tháng 09 năm 2025
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM
Vietnam Register
KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Tô An